CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

LƯU THỊ LAN
Trường Đại học Hải Dương

Nhận bài ngày 16/02/2025. Sửa chữa xong 24/02/2025. Duyệt đăng 02/3/2025.

Abstract

Building a modern, effective, and internationally integrated economic structure is a crucial part of the country's industrialization and modernization process during the transition period to socialism in Vietnam. Implementing the Party's industrialization and modernization policy, especially since the implementation of the renovation process up to now, our country's economic structure has gradually improved, creating momentum for the robust and sustainable development of the economy in the direction of socialism.

Keywords: *Economic structure, transformation of the economic structure of the sector, industrialization, modernization.*

1. Đặt vấn đề

Tất cả quốc gia trên thế giới đều mong muốn trở thành nước công nghiệp hiện đại và con đường duy nhất để đạt được mong muốn này chính là công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước, trong đó phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Các tiêu chí đánh giá sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế gồm: Cơ cấu GDP, cơ cấu giá trị sản xuất, cơ cấu lao động đang làm việc trong nền kinh tế và cơ cấu hàng xuất khẩu. Đồng thời, các nhân tố ảnh hưởng tới sự hình thành và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong quá trình CNH, HĐH gồm: Sự tác động của Nhà nước; các nguồn lực của nền kinh tế (điều kiện tự nhiên, nguồn nhân lực, vốn đầu tư, tiến bộ khoa học - công nghệ); nhân tố cầu thị trường. CNH, HĐH là vấn đề có tính quy luật để chuyển từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn. Tại Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 về tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: "CNH, HĐH là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội ngày càng dựa nhiều hơn vào sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, quản trị hiện đại". Theo đó, CNH, HĐH đã tạo ra những biến đổi sâu sắc của nền kinh tế; trong đó, sự chuyển dịch giữa các ngành kinh tế đang hướng đến một cơ cấu kinh tế ngành hiện đại, hợp lý, phù hợp với xu thế tiến bộ của khoa học - công nghệ. Đồng thời, cho phép khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng, thế mạnh của đất nước, tham gia ngày càng sâu rộng vào quá trình phân công lao động và hợp tác quốc tế [1].

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Sau gần 40 năm đổi mới và thực hiện đường lối CNH, HĐH đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, cơ cấu ngành kinh tế của nước ta có sự chuyển dịch tích cực, đã chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ. Cụ thể, theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm từ 38,06% (năm 1986) xuống 11,96% (năm 2023), ngành

Email: luuthilanhd@gmail.com

công nghiệp, xây dựng tăng từ 28,88% (năm 1986) lên 37,12% (năm 2023) và ngành dịch vụ tăng từ 33,06% (năm 1986) lên 42,54% (năm 2023) [2].

Theo đó, ngành nông nghiệp đã chuyển mạnh sang phát triển nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Các loại hình nông nghiệp xanh, sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu phát triển mạnh và ngày càng phổ biến. Nhiều sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu vượt lên đứng hàng đầu thế giới, như: kim ngạch xuất khẩu năm 2023 của gỗ và sản phẩm gỗ đạt 13,37 tỷ USD, thủy sản 8,98 tỷ USD, cà phê 4,18 tỷ USD, rau quả 5,69 tỷ USD, gạo 4,78 tỷ USD [3].

Trong ngành công nghiệp, tỷ trọng ngành khai khoáng giảm mạnh; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo (tiêu chí và là biểu tượng của nước công nghiệp) tăng khá. Các ngành khai thác, chế biến dầu khí; điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin; luyện kim, sắt thép; xi măng và vật liệu xây dựng; dệt may, da giày; cơ khí chế biến chế tạo, ô tô, xe máy... đã có những bước phát triển nhất định, tạo nền tảng quan trọng cho tăng trưởng dài hạn, thúc đẩy quá trình hiện đại hóa, công nghiệp hóa đất nước.

Còn ngành dịch vụ đã hướng đến cung cấp sản phẩm chất lượng cao, đa dạng và giá trị gia tăng cao. Các ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế phát triển và hàm lượng khoa học, công nghệ cao được chú trọng phát triển, như: tài chính, ngân hàng bảo hiểm, logistics, công nghệ thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, du lịch. Đồng thời, Việt Nam đã tăng cường xuất khẩu dịch vụ, giảm thâm hụt cán cân xuất - nhập khẩu dịch vụ, hướng tới thặng dư trong cán cân xuất - nhập khẩu dịch vụ.

Mặc dù CNH, HĐH đã nâng cao chất lượng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, song thực tế cho thấy, quá trình chuyển dịch của các ngành kinh tế theo chiều sâu vẫn chậm và gặp nhiều khó khăn. Cụ thể:

- Nhận thức về xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế còn hạn chế và hệ thống cơ chế, chính sách của Nhà nước chưa đồng bộ nên chưa tạo được động lực, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Thực tế cho thấy, hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách trên một số lĩnh vực còn thấp chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; còn có những tồn tại, bất cập trong không ít quy định hiện hành đang gây khó khăn cho quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế; cải cách thể chế và thực hiện các chương trình cơ cấu lại nền kinh tế chưa được tiến hành một cách nhất quán, toàn diện, đủ rộng và đủ mạnh để chuyển sang kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại và để hình thành một cơ cấu ngành kinh tế hợp lý và năng động hơn. Nguồn lực của Nhà nước bố trí cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo còn hạn chế, phân bổ, sử dụng chưa hiệu quả. Hệ sinh thái hỗ trợ, nuôi dưỡng doanh nghiệp phát triển, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân chưa có nhiều tiến bộ...

- Lực lượng sản xuất của nước ta chưa thực sự phát triển mạnh. Sự phát triển lực lượng sản xuất là yếu tố quyết định tới chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Tuy nhiên, có thể nhận thấy, hiện nay nước ta thiếu lực lượng sản xuất hiện đại, thiếu tư liệu sản xuất và nguồn lao động chất lượng cao. Năng lực và trình độ công nghệ của nền kinh tế nhìn chung còn thấp hơn nhiều nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, về cơ bản vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển "đi tắt đón đầu". Sự phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại chưa đạt yêu cầu, chưa cân đối giữa các vùng, miền.

- Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự trở thành động lực và nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội, cho tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và tăng năng suất lao động xã hội. Công nghiệp phát triển thiếu bền vững, giá trị gia tăng thấp, chưa tham gia sâu vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp thông minh phát triển chậm. Các ngành dịch vụ quan trọng chiếm tỷ trọng nhỏ, liên kết với các ngành sản xuất yếu.

- Khả năng tiếp thu và ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất của các doanh nghiệp Việt Nam còn thấp. Hiện các doanh nghiệp có công nghệ sản xuất công nghiệp dưới trung bình chiếm tỷ trọng cao, tụt hậu so với mức trung bình của thế giới; việc chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI chưa đạt như kỳ vọng. Nhiều doanh nghiệp FDI chủ yếu thực hiện công đoạn gia công, lắp ráp với công

nghệ trung bình và thiếu sự gắn kết, thúc đẩy doanh nghiệp nội địa phát triển. Nguồn lao động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ cho các doanh nghiệp chất lượng còn thấp, thiếu sự gắn kết giữa đào tạo với nhu cầu của thị trường.

- Cơ cấu GDP phân theo nhóm ngành kinh tế ở nước ta trong thời gian qua chuyển dịch theo hướng tiến bộ còn chậm. Nhóm ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản còn chiếm tỷ trọng cao; trái lại nhóm ngành Công nghiệp - xây dựng và dịch vụ còn chiếm tỷ trọng thấp trong GDP. Trong ngành Nông nghiệp, sự chuyển dịch của cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn mang nặng tính tự phát dẫn đến điệp khúc "được mùa, mất giá", trình độ lực lượng sản xuất thấp, hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh là kinh tế hộ gia đình còn chiếm tuyệt đại đa số. Các mô hình kinh tế hợp tác như hợp tác xã, liên kết bốn nhà (nhà nước, nhà nông, nhà khoa học, doanh nghiệp), cánh đồng lớn, chuỗi liên kết còn hẹp, chưa phổ biến. Ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo có tốc độ tăng trưởng còn chậm, còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong GDP. Trình độ của ngành này còn thấp, sử dụng nhiều lao động phổ thông, gia công, lắp ráp nên giá trị gia tăng còn thấp. Các ngành Công nghiệp phụ trợ còn kém phát triển, chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế. Đối với nhóm ngành Dịch vụ thì ngành thương nghiệp, dịch vụ lưu trú và ăn uống còn chiếm tỷ trọng cao trong GDP; trái lại các ngành dịch vụ cao cấp như vận tải kho bãi, thông tin và truyền thông, hoạt động tài chính ngân hàng, hoạt động khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế… còn chiếm tỷ trọng thấp trong GDP [4].

- Lao động ngành Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản còn chiếm tỷ trọng cao (27,54% năm 2022) trong tổng lao động xã hội. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn thấp. Những hạn chế, bất cập trên do một số nguyên nhân chủ yếu sau: 1) Chất lượng công tác quy hoạch các cấp, các ngành, các vùng còn thấp, chưa đồng bộ, tổ chức thực hiện quy hoạch chưa nghiêm ngặt; chưa có sự điều chỉnh và bổ sung kịp thời phù hợp với bối cảnh tình hình mới; 2) Về cơ cấu lao động đang làm việc trong nền kinh tế thì lao động nhóm ngành Nông - Lâm - Thủy sản còn chiếm tỷ trọng cao trong tổng lao động xã hội; tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo còn thấp; còn mất cân đối trong cơ cấu về trình độ và ngành nghề đào tạo, chất lượng đào tạo còn thấp; 3) Về vốn đầu tư, năng lực huy động nguồn vốn đầu tư còn hạn chế, cơ cấu đầu tư chưa thật hợp lý, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư có xu hướng giảm xuống; 4) Về khoa học - công nghệ, cơ cấu kỹ thuật, công nghệ còn nhiều tầng, nhiều trình độ, trong đó trình độ thấp còn phổ biến, tốc độ đổi mới công nghệ của các đơn vị kinh tế còn chậm; 5) Khâu tiêu thụ hàng hóa còn nhiều khó khăn, thiếu ổn định.

Các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế có thể chia thành các nhóm:

Nhóm 1: Các nhân tố địa lý - tự nhiên như: Khí hậu, đất đai, tài nguyên khoáng sản, nguồn nước, nguồn năng lượng. Đây là nguồn tư liệu sản xuất và tiêu dùng có ảnh hưởng rõ rệt đến sự hình thành cơ cấu kinh tế. Trong đó, Việt Nam là quốc gia có vị trí địa lý chính trị - kinh tế đặc biệt với nhiều tiềm năng phát triển du lịch, thích hợp để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Nhóm 2: Nhân tố kinh tế - xã hội bên trong đất nước như: Quan hệ sản xuất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, cung - cầu thị trường, trình độ phát triển của nền kinh tế. Hiện nay, Việt Nam đang được các quốc gia trên thế giới đánh giá có nguồn nhân lực tốt, thích hợp.

Nhóm 3: Nhân tố bên ngoài đất nước như: Quan hệ kinh tế đối ngoại và phân công lao động quốc tế. Với những thế mạnh của Việt Nam, các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia và các tổ chức quốc tế lựa chọn đưa vào danh sách đối tác quan trọng khi cân nhắc các quyết định đầu tư.

2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Dưới tác động của sự phát triển mạnh mẽ về lực lượng sản xuất hiện đại trên thế giới với tốc độ ngày càng cao và quy mô ngày càng mở rộng đã làm cho quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ngày càng nhanh. Nghị quyết số 29/NQ-TW xác định: "Chuyển dịch nhanh từ gia công, lắp ráp sang nghiên cứu, thiết kế và sản xuất tại Việt Nam; tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, chú trọng đẩy mạnh dịch vụ hóa các ngành Công nghiệp. Coi trọng

phát triển công nghiệp chế tạo, chế biến là then chốt, chuyển đổi số là phương thức mới có tính đột phá để rút ngắn quá trình CNH, HĐH; CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu". Như vậy, để cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại, hiệu quả, hội nhập quốc tế trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

2.2.1. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng hiện đại

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách về thúc đẩy CNH, HĐH, tập trung vào các lĩnh vực cần đẩy mạnh phát triển như: Các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại… Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển hạ tầng thông tin, hạ tầng số, quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cho giai đoạn tới theo định hướng hạ tầng số là thiết yếu, bảo đảm an toàn thông tin mạng là then chốt, ưu tiên đầu tư phát triển nhanh, đi trước một bước. Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hóa, xã hội. Hoàn thiện cơ chế, chính sách cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo phù hợp với thực tế Việt Nam và thông lệ quốc tế. Có chính sách ưu đãi phù hợp về thuế, tài chính, tín dụng, đất đai, nhân lực... cho nghiên cứu khoa học, công nghệ phù hợp với mục tiêu thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ mới, các công nghệ ưu tiên phát triển. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế, tập trung vào các ngành, lĩnh vực có lợi thế, ưu tiên, mũi nhọn và khả năng ứng dụng nhanh các thành tựu mới nhất khoa học, công nghệ nhằm chuyển đổi nhanh cơ cấu lao động, việc làm thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nhanh, đúng định hướng. Xây dựng nhà nước kiến tạo có tư duy luôn luôn đổi mới, nhạy bén và linh hoạt, biết tạo ra sự phát triển và chia sẻ sự phát triển mọi mặt của xã hội, với bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, trong sạch và hoạt động trên nền tảng công nghệ cao theo hướng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, Chính phủ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 [5].

2.2.2. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo

Ngành Công nghiệp cần đẩy mạnh phát triển các ngành có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao; chuyển đổi các ngành Công nghiệp thâm dụng tài nguyên, lao động sang các ngành Công nghiệp xanh, công nghiệp phát thải cacbon thấp. Ngành Nông nghiệp tập trung hướng vào phát triển nông nghiệp chuyên canh, quy mô lớn, bảo đảm an toàn thực phẩm trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hóa, tự động hóa. Đồng thời, gắn kết giữa nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ, sản xuất với bản quản, chế biến và tiêu thụ, nâng cao giá trị gia tăng của nông sản. Ngành dịch vụ tập trung phát triển các dịch vụ có giá trị gia tăng cao như: du lịch, thương mại, viễn thông, công nghệ thông tin, logistics, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ tư vấn pháp lý... trên cơ sở ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại. Trong đó, tập trung vào hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, dịch vụ y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, dịch vụ văn hóa, thể thao, dịch vụ thương mại...

2.2.3. Chủ động hội nhập, mở rộng hợp tác quốc tế và đẩy mạnh chuyển giao khoa học, công nghệ tiến tiến, hiện đại

Đại hội XIII xác định: "Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, đa dạng hóa đối tác, lựa chọn đối tác chiến lược là các quốc gia có nền khoa học, công nghệ tiên tiến". Theo đó, để chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế có hiệu quả cần mở rộng hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ số, thông tin, sinh học, trí tuệ nhân tạo, cơ điện tử, tự động hóa, điện tử y sinh, năng lượng, môi trường… thu hút lao động có kỹ năng của các công ty đa quốc gia lớn gắn với yêu cầu chuyển giao tri thức, công nghệ và quản trị; nâng cao tỷ lệ nội địa hóa. Mặt khác, phát triển mạnh thị trường khoa học, công nghệ tại các địa bàn có nhiều nguồn cung công nghệ cao, tiên tiến và thân thiện môi trường. Trong đó, chú trọng tới các thị trường mà Việt Nam có lợi thế hợp tác, phát triển,

chuyển giao thông qua các hiệp định thương mại tự do. Tăng cường công tác hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển và chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực thông qua các chương trình khoa học - công nghệ cấp quốc gia. Quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa nhập khẩu công nghệ, đổi mới công nghệ để tham gia chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại Việt Nam và các tập đoàn đa quốc gia.

2.2.4. Cơ cấu lại thực chất ngành công nghiệp, phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh nông, lâm, thủy sản, công nghiệp chế tạo

Tăng mạnh năng suất nội bộ ngành, tăng hàm lượng công nghệ và tỷ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm; Tập trung vào một số ngành công nghiệp nền tảng, có lợi thế cạnh tranh và ý nghĩa chiến lược đối với tăng trưởng nhanh, bền vững gắn kết với bảo vệ môi trường; Chú trọng phát triển công nghiệp sản xuất linh kiện, cụm linh kiện, thúc đẩy một số mặt hàng tham gia sâu, có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị, phân phối toàn cầu; Tạo điều kiện để doanh nghiệp đề xuất dự án đầu tư phục vụ mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế… Cùng với đó, thực hiện cơ cấu lại các ngành dịch vụ, duy trì tốc độ tăng trưởng các ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao; Phối hợp, phát huy sức mạnh tổng hợp của các bộ, ngành, thực hiện chương trình phát triển du lịch quốc gia; Nâng cao tính chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ du lịch; Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển du lịch…

2.2.5. Rà soát, điều chỉnh và bổ sung kịp thời các bản quy hoạch; đổi mới và hoàn thiện chính sách tài chính, tiền tệ nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Theo đó, các cơ quan làm công tác quy hoạch cho các cấp, các ngành, các vùng cần phải rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với bối cảnh, tình hình mới. Tổ chức thực hiện quy hoạch phải nghiêm ngặt. Nhà nước cần có chính sách tài chính, tín dụng ưu đãi đối với các ngành, loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh được khuyến khích phát triển như ngành khai thác hải sản xa bờ, hình thức kinh tế trang trại, hợp tác xã, cánh đồng lớn, liên kết theo chuỗi giá trị, liên kết bốn nhà trong nhóm ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, các ngành công nghiệp sử dụng kỹ thuật - công nghệ cao, các ngành công nghiệp hỗ trợ; các ngành dịch vụ cao cấp như Vận tải, Kho bãi, Thông tin liên lạc; Tài chính và Ngân hàng; Giáo dục và Đào tạo… nhằm từng bước nâng cấp cơ cấu ngành kinh tế theo định hướng mà Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng năm 2021 đã đề ra. Cùng với đó, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động phân theo nhóm ngành kinh tế theo hướng tiến bộ; mở rộng quy mô đào tạo; điều chỉnh cơ cấu về trình độ và ngành nghề đào tạo; nâng cao chất lượng đào tạo phục vụ chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Theo đó, cần tăng nhanh tỷ trọng lao động nhóm ngành phi nông nghiệp, trái lại giảm nhanh tỷ trọng lao động nhóm ngành Nông nghiệp trong tổng lao động xã hội; Mở rộng quy mô đào tạo cần tăng cường đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa và hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo. Điều chỉnh cơ cấu về trình độ và ngành nghề đào tạo theo hướng phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, trong đó cần phải căn cứ vào nhu cầu về mỗi loại lao động để thực hiện các giải pháp đào tạo nhằm cung cấp nguồn lao động phù hợp với nhu cầu của thị trường sức lao động. Bên cạnh đó, nâng cao chất lượng đào tạo bằng cách tiến hành đổi mới nội dung giáo dục, đào tạo, phương pháp giáo dục, đào tạo và cơ chế quản lý giáo dục. Các cơ quan, tổ chức sử dụng lao động cần bố trí công việc, có chế độ đãi ngộ phù hợp với khả năng lao động của từng người và tạo lập môi trường lao động lành mạnh nhằm kích thích tính tích cực của người lao động, thúc đẩy sản xuất phát triển.

3. Kết luận

Cơ cấu ngành kinh tế của Việt Nam đã chuyển dịch theo đúng quy luật của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong quá trình CNH, HĐH. Tuy nhiên, việc chuyển dịch này vẫn còn chậm khi mà nhóm ngành Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản còn chiếm tỷ trọng cao trong GDP và trong tổng lao động xã hội. Ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo và các ngành dịch vụ cao cấp như: Vận tải, Thông

tin và truyền thông, Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm… vẫn còn chiếm tỷ trọng thấp trong GDP. Nội dung và yêu cầu cơ bản của chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta theo hướng CNH, HĐH là tăng nhanh tỷ trọng giá trị trong GDP của các ngành công nghiệp, xây dựng (gọi chung là công nghiệp) và thương mại - dịch vụ, đồng thời giảm dần tương đối tỷ trọng giá trị trong GDP của các ngành Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Ngư nghiệp. Cùng với quá trình chuyển dịch của cơ cấu kinh tế tất yếu sẽ dẫn đến những biến đổi kinh tế và xã hội theo hướng CNH, HĐH của cơ cấu các vùng kinh tế, các thành phần kinh tế, lực lượng lao động xã hội, cơ cấu kinh tế đối nội, cơ cấu kinh tế đối ngoại… Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH đã được Đảng và Nhà nước ta xác định là con đường tất yếu để Việt Nam nhanh thoát khỏi tình trạng lạc hậu, chậm phát triển trở thành một quốc gia văn minh, hiện đại.

Tài liệu tham khảo

[1] Ban Chấp hành Trung ương (2022), *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

[2] Tổng cục Thống kê (2023), *Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2023*.

[3] Nguyễn Văn Trọn (2023), *Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*, Tạp chí Tài chính, kỳ 2 tháng 8.

[4] Nguyễn Văn Tuyên, Trần Hoàng Tuấn (2021), *Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra*, Tạp chí Tài chính, kỳ 2 tháng 8.

[5] Nguyễn Thị Tuyết Mai (2019), *Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu khoa học công đoàn, số 15.

THẺ ĐIỂM CÂN BẰNG - CÔNG CỤ HỮU HIỆU...

Tiếp theo trang 321

3. Kết luận

Thẻ điểm cân bằng là một hệ thống quản lý giúp cho nhà quản trị cũng như toàn bộ nhân viên trong tổ chức xác định rõ tầm nhìn, chiến lược của tổ chức và chuyển chúng thành hành động. BSC cung cấp các thông tin phản hồi về các quá trình hoạt động trong nội bộ cũng như các kết quả đạt được, từ đó giúp toàn bộ nhân viên trong tổ chức có những cải tiến liên tục nhằm đạt được kết quả như mong muốn. Mặc dù có nhiều mô hình và phương pháp xây dựng chiến lược nhưng ngày nay BSC được sử dụng nhiều nhờ ưu điểm nổi bật là chuyển đổi tầm nhìn chiến lược của tổ chức thành những mục tiêu hành động cụ thể cho từng bộ phận và nhân viên nên nó giúp cho các tổ chức đạt hiệu quả cao trong việc thực thi chiến lược. BSC là một công cụ rất hữu hiệu giúp cho các tổ chức xây dựng chiến lược hoạt động cho tổ chức mình. Cách thức xây dựng chiến lược bằng phương pháp BSC rất khác với các phương pháp truyền thống ở chỗ huy động một nguồn nhân lực đa dạng từ các thành viên mọi bộ phận cùng tham gia nhằm truyền thông cho toàn bộ nhân viên về viễn cảnh tương lai của tổ chức cũng như phát huy sự sáng tạo, kinh nghiệm làm việc của họ nhằm biến mục tiêu chiến lược trở nên gần gũi và thực tế hơn. Do đó, BSC cần được các doanh nghiệp Việt Nam cân nhắc áp dụng.

Tài liệu tham khảo

[1] Trần Quốc Việt (2012), *Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ chấp nhận mô hình thẻ điểm cân bằng trong quản trị chiến lược tại các doanh nghiệp Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

[2] Võ Ngọc Hồng Phúc (2018), *Các nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng thẻ điểm cân bằng ở doanh nghiệp sản xuất tại Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

[3] Tạ Lê Ngân Hà (2019), *Các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng bảng điểm cân bằng (BSC - Balanced Scorecard) đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

[4] Nguyễn Thanh Trúc (2021), *Các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của thẻ điểm cân bằng (BSC) trong các doanh nghiệp kinh doanh điện tử (E-Business) tại Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

[5] Huỳnh Thị Thảo Trang (2014), *Ứng dụng thẻ điểm cân bằng (BSC) trong thực thi chiến lược kinh doanh tại công ty Pv OIL Mekong*, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.